

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2023/HNGĐST**

Ngày 19-4-2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

2. Bà **Võ Thị Ngọc The**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Công Đình**.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Tuyết Tr** – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 1, đường Nguyễn Thái Học, KP.K B, T.T T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung Q** – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 1, đường Nguyễn Thái Học, KP.K B, T.T T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết Tr trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Trung Q chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thh Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 03/12/2002. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng 03 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến về mọi mặt với nhau trong cuộc sống hàng ngày, có lối sống không phù hợp, không thể tự giải quyết, ngoài ra trong cuộc sống hàng ngày anh Q cũng không thường xuyên quan tâm chăm sóc vợ con từ đó mà vợ chồng thường xuyên cự cãi và vợ chồng ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay chị Tr xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: chị Tr xác nhận vợ chồng có 02 con chung: 01. Nguyễn Quang Th, sinh năm: 2003; 02. Nguyễn Thủy T, Sinh ngày: 14/7/2009 hiện đang sống chung với mẹ.

Về tài sản chung: chị Tr yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Trinh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về quan hệ con chung: chị Tr xin được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thủy T - sinh ngày 14/07/2009, chị Tr không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị Tr yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Trung Q được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không lý do nên không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết Tr.

+ *Về quan hệ con chung*: Đề nghị tiếp tục giao cháu Nguyễn Thủy T - sinh ngày 14/07/2009 cho chị Lê Thị Tuyết Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trung Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở. Đối với cháu Nguyễn Quang Th, sinh năm: 2003 đã trưởng thành chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét..

+ *Về tài sản chung*: chị Tr yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

+ *Về nợ chung*: chị Tr xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Về án phí*: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tuyết Tr được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H.

Bị đơn anh Nguyễn Trung Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Q vắng mặt không có lý do, ngoài ra tại phiên tòa chị Tr vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trung Q và chị Lê Thị Tuyết Tr.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Lê Thị Tuyết Tr, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lê Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Trung Q chung sống với nhau được Ủy ban nhân dân xã Th Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số I/02, ngày 03/12/2002 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Tr là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống hàng ngày, ngoài ra anh Q không thường xuyên quan tâm đến chị Tr và các con từ đó mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay chị Tr xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được đến tháng 02/2022 thì vợ chồng ly thân cho đến nay.

Xét thấy: Chị Tr, anh Q chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 do anh Q không quan tâm vợ con, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, mặt khác anh Q đã được Tòa án tổng đạt các giấy triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy vợ chồng chị Tr, anh Q đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; ngoài ra, chị Tr và anh Q đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Q là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thủy T – sinh ngày 14/07/2009 của chị Lê Thị Tuyết Tr.

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Nguyễn Thủy T thì nguyện vọng của cháu T muốn được ở với mẹ là chị Tr, mặt khác hiện nay cháu T vẫn đang được chị Tr nuôi dưỡng và chị Tr vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Ngoài ra cháu T là con gái và còn nhỏ cần có sự quan tâm và chăm sóc của người mẹ, việc sống chung với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do đó, yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết Tr là có cơ sở chấp nhận. Đối với cháu Nguyễn Quang Th, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Tr không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

+ *Về tài sản chung:* chị Tr yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

+ *Về nợ chung:* chị Tr xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị Lê Thị Tuyết Tr.

- ***Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*** Chị Lê Thị Tuyết Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết Trinh.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Tuyết Tr được ly hôn với anh Nguyễn Trung Q.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thủy T– sinh ngày 14/07/2009 cho chị Lê Thị Tuyết Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Quang Th, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Anh Nguyễn Trung Q được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Tuyết Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002328, ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Trung Q có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Th Đ B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo